



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI NAM NGHỆ AN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 23

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Nghệ An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch và các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hào Chủ tịch kiêm Giám đốc

Ban Giám đốc

Ông Tạ Duy Hiền Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Thắng Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Phan Thị Nghĩa

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Bùi Văn Hào - Chủ tịch kiêm Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Chủ tịch và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Chủ tịch và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chủ tịch và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bùi Văn Hào

Chủ tịch kiêm Giám đốc

Nghệ An, ngày 31 tháng 01 năm 2026



Số: 013101/2026/BCKT-ICPATC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Nghệ An

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Nghệ An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 01 năm 2026, từ trang 6 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Chủ tịch và Ban Giám đốc

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản nợ đã quá hạn thanh toán với giá trị ước tính là: 927.908.731 đồng. Nếu Công ty thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên vào chi phí thì khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" tăng lên, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi với số tiền tương ứng.

Công ty chưa thực hiện trích đầy đủ chi phí khấu hao tài sản cố định với giá trị ước tính là: 1.641.732.876 đồng. Nếu Công ty thực hiện ghi nhận khoản chi phí khấu hao tài sản cố định nêu trên vào chi phí thì khoản mục "Giá vốn hàng bán" tăng lên, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi với số tiền tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Võ Hoàng Anh

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4351-2023-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Thành Công

Nghệ An, Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Trần Lương Tới

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 6379-2023-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.771.508.171	40.879.452.979
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.119.019.882	21.272.969.852
1. Tiền	111		13.119.019.882	21.272.969.852
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.380.679.208	19.326.548.662
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	14.799.688.477	14.591.084.725
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	46.696.000	3.494.110.400
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	7.534.294.731	1.241.353.537
III. Hàng tồn kho	140	V.5	271.766.006	279.934.465
1. Hàng tồn kho	141		271.766.006	279.934.465
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		43.075	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	153	V.13a	43.075	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		946.235.963.263	928.471.840.491
I. Tài sản cố định	220		813.634.579.995	776.552.414.271
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	813.634.579.995	776.552.414.271
- Nguyên giá	222		858.820.840.914	819.866.717.190
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.186.260.919)	(43.314.302.919)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
- Nguyên giá	228		90.000.000	90.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(90.000.000)	(90.000.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		132.544.684.268	151.555.097.125
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	132.544.684.268	151.555.097.125
III. Tài sản dài hạn khác	260		56.699.000	364.329.095
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	56.699.000	364.329.095
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		982.007.471.434	969.351.293.470

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		40.405.452.133	40.904.627.875
I. Nợ ngắn hạn	310		36.180.191.177	35.463.821.619
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10a	18.502.711.957	19.195.390.214
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		261.550.811	5.549.102.491
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13b	1.136.406.420	1.311.581.086
4. Phải trả người lao động	314		549.265.100	4.648.032.900
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	1.581.541.319	2.544.249.020
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	9.639.360.762	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.509.354.808	2.215.465.908
II. Nợ dài hạn	330		4.225.260.956	5.440.806.256
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.10b	4.225.260.956	4.350.648.956
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	-	1.090.157.300
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		941.602.019.301	928.446.665.595
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	942.267.585.001	930.902.374.595
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		773.514.565.196	729.420.603.296
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.693.926.145)	(1.095.799.551)
- LNST chưa phân phối năm này	421b		(8.693.926.145)	(1.095.799.551)
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		177.446.945.950	202.577.570.850
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.14	(665.565.700)	(2.455.709.000)
1. Nguồn kinh phí	431		(665.565.700)	(2.455.709.000)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		982.007.471.434	969.351.293.470

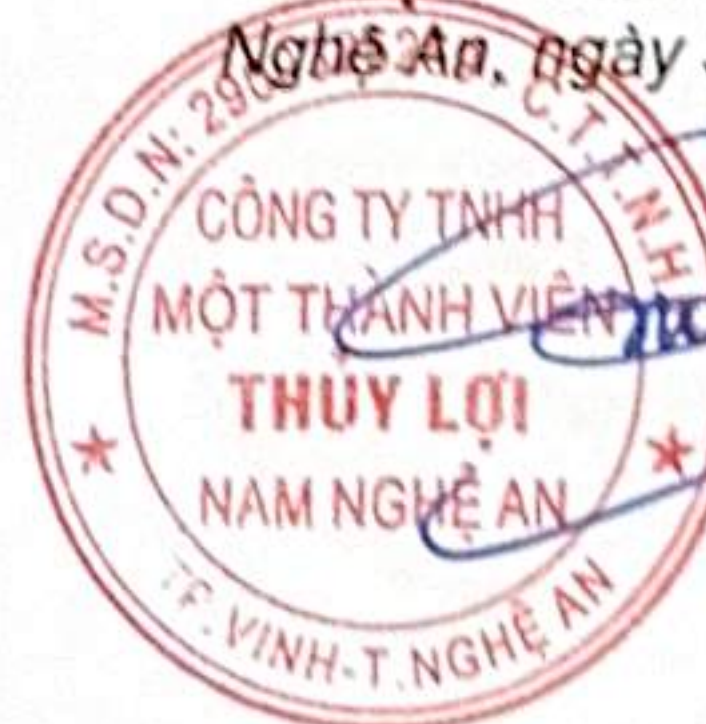
Lê Thị Huyền Trang
 Người lập biểu

Lê Thị Huyền Trang

Phan Thị Nghĩa
 Kế toán trưởng

Phan Thị Nghĩa

Bùi Văn Hào
 Chủ tịch kiêm Giám đốc
 Nghệ An, ngày 31 tháng 01 năm 2026



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	60.921.094.032	63.726.588.325
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(42.098.946.551)	(211.814.388.614)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(52.790.450.500)	(37.231.331.500)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(141.923.984)	(410.229.135)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(314.506.651)	(87.551.077)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	95.797.458.296	251.293.467.969
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(78.116.756.836)	(11.933.659.367)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(16.744.032.194)	53.542.896.601
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.061.034.724)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.756.186	7.914.942
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.049.278.538)	7.914.942
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	31.906.456.738	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(22.267.095.976)	(36.991.515.736)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.639.360.762	(36.991.515.736)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(8.153.949.970)	16.559.295.807
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	21.272.969.852	4.713.674.045
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	13.119.019.882	21.272.969.852

Lê Thị Huyền Trang
 Người lập biểu



Phan Thị Nghĩa
 Kế toán trưởng



Bùi Văn Hào
 Chủ tịch kiêm Giám đốc
 Nghệ An, ngày 31 tháng 01 năm 2026



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức vốn sở hữu**

Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Nghệ An (gọi tắt là "Công ty") là Công ty TNHH MTV được chuyển đổi theo Quyết định số 1665/QĐ.UBND-DN ngày 08/05/2008 của UBND tỉnh Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 2900325269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 31/07/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14/02/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 672.900.114.000 đồng. Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2025 là 773.514.565.196 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp;
- Kinh doanh nước sinh hoạt và sản xuất;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng, công nghiệp, điện năng (đường dây và trạm biến áp dưới 35KV);
- Tư vấn khảo sát, giám sát, thiết kế, lập dự án, quản lý dự án, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu các công trình thủy lợi;
- Mua bán, sửa chữa, lắp đặt vật tư thiết bị ngành thủy lợi;
- Nuôi trồng, khai thác, chế biến, mua bán thủy, hải sản;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

5. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 457 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 460 người).

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Trụ sở chính	Khối 13, phường Cửa Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
2	Xí nghiệp Thủy lợi Nam Đàn	Xã Vạn An, tỉnh Nghệ An
3	Xí nghiệp Thủy lợi Hưng Nguyên	Xã Hưng Chính, tỉnh Nghệ An
4	Xí nghiệp Thủy lợi Thành phố Vinh	Phường Trường Thi, tỉnh Nghệ An
5	Xí nghiệp Thủy lợi Nghi Lộc	Thị trấn Quán Hành, tỉnh Nghệ An
6	Xí nghiệp tư vấn khảo sát thiết kế và Xây dựng công trình	Khối 13, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An
7	Trạm Quản lý Bara Nam Đàn	Thị trấn Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
8	Trạm Quản lý Bara Bến Thủy	Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
9	Trạm Quản lý Bara Nghi Quang	Tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Chủ tịch và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch và Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu (tiếp theo)

gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Kết cấu hạ tầng (kênh, mương, hồ, đập phục vụ tưới nước, tiêu nước): không phải trích khấu hao theo quy định tại khoản 4, điều 1, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm Công cụ dụng cụ chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành

Doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC, Thông tư số 78/2014/TT-BTC Thu nhập từ hoạt động khai thác tài nguyên tận thu thuế suất áp dụng là 20%.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	192.633.591	262.966.344
Tiền gửi ngân hàng	12.926.386.291	21.010.003.508
Cộng	13.119.019.882	21.272.969.852

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An	13.027.675.160	13.006.980.000
Các đối tượng khác	1.772.013.317	1.584.104.725
Cộng	14.799.688.477	14.591.084.725

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Tuấn Việt	-	3.053.706.400
Các đối tượng khác	46.696.000	440.404.000
Cộng	46.696.000	3.494.110.400

4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	7.520.000	34.021.805
Chi phí đầu tư dự án mở rộng cống Nam Đàn	441.698.349	566.084.300
Chi phí quản lý dự án khác	486.210.382	626.528.431
Các đối tượng khác	6.598.866.000	14.719.001
Cộng	7.534.294.731	1.241.353.537

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	271.766.006	279.934.465
Cộng	271.766.006	279.934.465

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	56.699.000	364.329.095
Cộng	56.699.000	364.329.095

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Kết cấu hạ tầng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	41.210.655.173	61.461.236.613	2.893.500.000	35.000.000	714.266.325.404	819.866.717.190
Mua trong năm	-	1.061.034.724	-	-	-	1.061.034.724
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	38.054.213.000	38.054.213.000
Tăng/giảm khác	-	-	-	-	(161.124.000)	(161.124.000)
Số dư cuối năm	41.210.655.173	62.522.271.337	2.893.500.000	35.000.000	752.159.414.404	858.820.840.914
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	7.218.788.368	5.486.819.264	2.611.702.595	35.000.000	27.961.992.692	43.314.302.919
Khấu hao trong năm	371.369.000	1.276.729.000	223.860.000	-	-	1.871.958.000
Số dư cuối năm	7.590.157.368	6.763.548.264	2.835.562.595	35.000.000	27.961.992.692	45.186.260.919
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	33.991.866.805	55.974.417.349	281.797.405	-	686.304.332.712	776.552.414.271
Tại ngày cuối năm	33.620.497.805	55.758.723.073	57.937.405	-	724.197.421.712	813.634.579.995

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

8. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	90.000.000	90.000.000
Số cuối năm	90.000.000	90.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	90.000.000	90.000.000
Số dư cuối năm	90.000.000	90.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Chợ Cầu; trạm bơm Thọ Sơn	60.095.800.968	56.975.642.094
Dự án Cải tạo, nâng cấp hồ chứa nước Khe Xiêm và trạm bơm Thanh Phong, tuyến đê bao sông Khe Cái	45.690.081.000	40.596.140.000
Dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Thị	-	15.712.731.000
Dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Xiêm	11.256.128.300	11.256.128.300
Các dự án khác	15.502.674.000	27.014.455.731
Cộng	132.544.684.268	151.555.097.125

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công ty TNHH Minh Quang	3.843.477.000	4.061.121.000
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và Dịch vụ TM Nghệ An	2.727.842.300	3.162.010.800
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng công trình Nghệ An	1.169.306.520	1.586.917.800
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Đồng Đô	1.188.553.000	1.213.189.000
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Dung Hồng	1.088.183.600	1.088.183.600
Công ty Điện lực Nghệ An	277.232.269	617.631.246
Các đối tượng khác	8.208.117.268	7.466.336.768
Cộng	18.502.711.957	19.195.390.214
b. Dài hạn		
Công ty CP Xây dựng hạ tầng An Vinh	1.464.359.000	1.464.359.000
Công ty CP Xây dựng Thủy lợi 7	1.088.473.625	1.088.473.625
Các đối tượng khác	1.672.428.331	1.797.816.331
Cộng	4.225.260.956	4.350.648.956

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
 Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

- V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
11. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (i)	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	-	-	31.906.456.738	22.267.095.976	9.639.360.762	9.639.360.762

Cộng

	-	-	31.906.456.738	22.267.095.976	9.639.360.762	9.639.360.762
--	---	---	----------------	----------------	---------------	---------------

(i) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 05/25/KD0/HM/TLN ký ngày 11/02/2025 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Vinh; Tổng giá trị hạn mức cho vay là 25.000.000.000 VND; thời hạn cho vay tối đa 09 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ; Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng và được ghi trên từng Giấy nhận nợ; Mục đích cho vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền trên đất là các công trình phụ trợ được xây dựng và/hoặc tạo lập trên thửa đất số 16690.01.18, tờ bản đồ số 01, khối 1, phường Trường Thi, TP Vinh, Nghệ An (chỉ tiết theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB357673 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 30/03/2006) và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 18 tại phường Cửa Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (chỉ tiết theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 716538 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 05/06/2012).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**12. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Các khoản phải trả Ban quản lý dự án	344.536.000	1.662.062.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.237.005.319	882.187.020
Cộng	1.581.541.319	2.544.249.020
b. Dài hạn		
Phải trả chi phí quyết toán Công trình	-	196.701.500
Phải trả chi phí quản lý dự án nạo vét kênh	-	893.455.800
Cộng	-	1.090.157.300

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	43.075	43.075
Cộng	-	-	43.075	43.075
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	667.737.800	1.433.178.706	1.344.236.906	756.679.600
Thuế giá trị gia tăng khấu trừ	-	58.489.517	58.489.517	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	314.463.576	-	314.463.576	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	40.334.445	9.035.045	31.299.400
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	263.075.116	263.075.116	-
Thuế Tài nguyên	329.379.710	670.643.110	651.595.400	348.427.420
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Cộng	1.311.581.086	2.472.720.894	2.647.895.560	1.136.406.420

14. NGUỒN KINH PHÍ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguồn kinh phí đầu năm	(2.455.709.000)	(2.777.014.500)
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	(1.200.000.000)	7.637.245.100
Chi sự nghiệp	(2.990.143.300)	7.315.939.600
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	(665.565.700)	(2.455.709.000)

CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI NAM NGHỆ AN

Khởi 13, phường Thành Vinh,
Tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	718.436.405.746	11.909.819.000	(8.420.231.358)	721.925.993.388
Tăng vốn trong năm	10.984.197.550	-	-	10.984.197.550
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	(20.393.764.562)	(20.393.764.562)
Giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	(10.984.197.550)	-	(10.984.197.550)
Tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản do Ngân sách cấp	-	201.830.262.400	-	201.830.262.400
Giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản do hoàn trả Ngân sách	-	(178.313.000)	-	(178.313.000)
Ngân sách cấp bù lỗ	-	-	27.718.196.369	27.718.196.369
Tại ngày 01/01/2025	729.420.603.296	202.577.570.850	(1.095.799.551)	930.902.374.595
Tăng vốn trong năm	44.224.158.900	-	-	44.224.158.900
Lợi nhuận trong năm	-	(44.224.158.900)	(31.473.763.145)	(31.473.763.145)
Giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	22.591.000.000	-	(44.224.158.900)
Tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản do Ngân sách cấp	-	1.200.000.000	-	22.591.000.000
Tăng nguồn cấp kinh phí sửa chữa công trình	-	(4.505.416.000)	-	(4.505.416.000)
Giảm nguồn theo phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	-	130.197.000	-	130.197.000
Tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản do hoàn trả Ngân sách	-	-	-	-
Giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản do hoàn trả Ngân sách	(130.197.000)	(322.247.000)	-	(452.444.000)
Ngân sách cấp bù lỗ (i)	-	-	23.875.636.551	23.875.636.551
Tại ngày 31/12/2025	773.514.565.196	177.446.945.950	(8.693.926.145)	942.267.585.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(i) Ngân sách cấp hỗ trợ số lỗ còn lại năm theo quyết toán được phê duyệt và hỗ trợ một phần số lỗ theo Kế hoạch năm 2025 được phê duyệt theo Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 26/08/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phân bổ và giao bổ sung dự toán chi ngân sách.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn góp Nhà nước	100	773.514.565.196	729.420.603.296

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thủy lợi phí	31.211.149.189	31.535.269.660
Doanh thu bán nước thô	28.011.642.802	24.769.616.775
Doanh thu dịch vụ khác	1.121.644.323	6.651.433.512
Cộng	60.344.436.314	62.956.319.947

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	82.867.195.112	76.064.424.713
Cộng	82.867.195.112	76.064.424.713

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	11.756.186	7.914.942
Cộng	11.756.186	7.914.942

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	141.923.984	410.229.135
Cộng	141.923.984	410.229.135

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.867.150.921	3.825.630.900
Chi phí vật liệu quản lý	306.916.400	307.820.600
Chi phí khấu hao TSCĐ	538.585.200	201.278.800
Thuế, phí, lệ phí	260.486.116	485.969.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.291.320	125.790.610
Chi phí bằng tiền khác	2.717.406.592	1.622.348.542
Cộng	8.820.836.549	6.568.838.952

6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(31.473.763.145)	(20.079.257.911)
Trừ		
Thu nhập không tính thuế TNDN	(31.473.763.145)	(21.651.791.166)
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	1.572.533.255
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	314.506.651
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	314.506.651

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Nghệ An đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Thành Công. Một số chỉ tiêu so sánh của năm trước đã được Công ty điều chỉnh hồi tố theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót" theo Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 06/06/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quyết toán diện tích, kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 của UBND các huyện, thành phố, thị xã và các doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi, Quyết toán tài chính năm 2024 của các doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi, thu hồi, cấp bổ sung kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024. Trên cơ sở đó, Công ty đã điều chỉnh dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 liên quan, số liệu điều chỉnh được thuyết minh chi tiết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP THEO)

Điều chỉnh lại các dữ liệu tương ứng

Chi tiêu trên Bảng cân đối kế toán

Ảnh hưởng điều chỉnh

Tài sản cố định hữu hình

(551.090.381.968)

Vốn góp của chủ sở hữu

(551.090.381.968)

Số liệu trước và sau điều chỉnh năm 2025

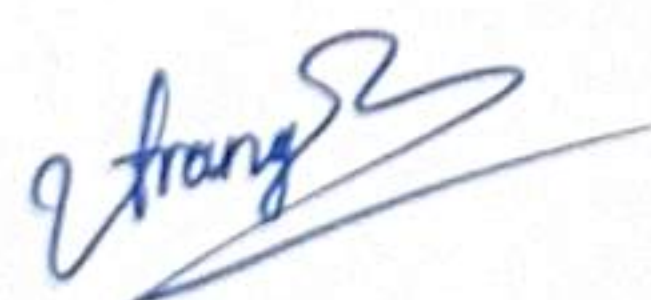
Bảng cân đối kế toán năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.479.562.222.459	(551.090.381.968)	928.471.840.491
I. Tài sản cố định	220		1.327.642.796.239	(551.090.381.968)	776.552.414.271
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.327.642.796.239	(551.090.381.968)	776.552.414.271
- Nguyên giá	222		1.370.957.099.158	(551.090.381.968)	819.866.717.190
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.520.441.675.438	(551.090.381.968)	969.351.293.470

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.15	1.479.537.047.563	(551.090.381.968)	928.446.665.595
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.481.992.756.563	(551.090.381.968)	930.902.374.595
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.280.510.985.264	(551.090.381.968)	729.420.603.296
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.520.441.675.438	(551.090.381.968)	969.351.293.470

Lê Thị Huyền Trang
Người lập biểu



Phan Thị Nghĩa
Kế toán trưởng



Bùi Văn Hào
Chủ tịch kiêm Giám đốc
Nghệ An, ngày 31 tháng 01 năm 2026

